

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2022
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh;
2. Ông Phạm Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày
04 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐST-HN ngày 08/11/2021 và
Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2021, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp B, xã L,
huyện X, tỉnh V.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hải A, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp A, xã H,
huyện T, tỉnh A.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa (nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử
vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án,
nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Hải A đăng ký kết hôn ngày
27/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T. Thời gian đầu chung sống hạnh

phúc, năm 2019 vợ chồng phát sinh mA thuận. Nguyên đơn cùng con về nhà cha mẹ sinh sống. Trong thời gian này, bị đơn ít đến thăm nom, chăm sóc con chung. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Hải Y, sinh ngày 31/12/2016. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tại ấp A, xã H, huyện T.

Kết quả xác minh thể hiện: Ông Nguyễn Hải A, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp An Hòa, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Hiện nay bà L và ông A không còn chung sống tại địa phương. Về mA thuận giữa bà L và ông A địa phương không nắm do từ trước đến nay địa phương không có xử lý tin báo gì từ phía vợ chồng ông A, bà L cũng như những người xung quanh.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ đúng các quy định. Tuy nhiên, còn đề án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc Tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mA thuận, từ năm 2019 đến nay không còn sống chung.

Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Hải Y, sinh ngày 31/12/2016. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng, nhận thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu

xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hải A. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ năm 2019 đến nay và bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về các phiên hòa giải nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham dự, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Hải Y, sinh ngày 31/12/2016, hiện tại nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không có ý kiến về nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên việc nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp, xét chấp nhận. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L;

[1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Hải A.

[2] Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2016 ngày 27/10/2016 của Ủy ban nhân dân xã An Hào, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[3] Con chung: Bà Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi dạy con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 31/12/2016. Ông Nguyễn Hải A không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Hải A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2019/0006206 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên. Bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Hải A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

Nguyễn Thanh Tâm